

Số: 49/2022/QĐST-HNGĐ

NĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Mai Hương.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên họp:
Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 42/2022/QĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022, những người tham gia tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Lê Đình A, sinh năm 1990;

ĐKKHKT: Thôn Trung H - xã Thiên L - huyện Can L - tỉnh Hà T.

Hiện cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đức.

+ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Xóm Trung L (xóm Vân T cũ) - xã Nam V - thành phố NĐ - tỉnh NĐ.

[Tại phiên họp: Vắng mặt anh Lê Đình A và chị Phạm Thị L (đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)]

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, anh Lê Đình A, chị Phạm Thị L đều trình bày: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30-5-2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức.

Trong quá trình chung sống, Anh A và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không

tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại Anh A đang cư trú và lao động tại Đức, còn chị L về sinh sống tại Việt Nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ lâu. Đến nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh ND công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh A và chị L có 01 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 10-4-2015. Khi ly hôn, Anh A, chị L thỏa thuận giao con chung là cháu Lê Hải N cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị L đều thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Anh Lê Đình A và chị Phạm Thị L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp.

+ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đình A và chị Phạm Thị L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

Về nội dung: Anh A và chị L đều thống nhất xin ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh A, chị L là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Anh A và chị L về việc giao con chung là cháu Lê Hải N cho chị L nuôi dưỡng và Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh A, chị L tự thỏa thuận với nhau và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh ND nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Đình A có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Trung H - xã Thiên L - huyện Can L - tỉnh Hà T nhưng hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức nên căn cứ Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh ND.

Anh A và chị L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình A và chị Phạm Thị L có đăng ký kết hôn vào ngày 30-5-2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh A, chị L là tự nguyện, nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh A và chị L có một con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 10-4-2015. Hiện nay cháu Nam đang sinh sống ổn định cùng với chị L, nên khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Nam cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của Anh A, chị L phù hợp với điều kiện thực tế, không trái pháp luật, đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con chung, nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh A và chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 149, các Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình A và chị Phạm Thị L.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 10-4-2015 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Lê Đình A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Đình A có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Phạm Thị L.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006782 ngày 04-10-2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh ND. Xác định chị Phạm Thị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4.Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 02-11-2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh ND;
- UBND xã Nam V
- Lưu tòa DS, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương